TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2021
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Danh Vượng.

2. Ông Dương Đình Luật.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 19/TB-TA ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

Bị đơn: Ông Trần Công V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Công V tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân vào năm 2006. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 25/01/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại ấp Trang Hùng, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến khoảng tháng 5/2019, thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V ghen tuông, nghi ngờ bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2019 đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo và hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và không thể đoàn tụ sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên Trần Thị Kim H1, sinh ngày 06/12/2006 và Trần Trung H2, sinh ngày 26/01/2010. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và giao cháu H2 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Trần Công V trình bày:

Ông V và bà T tìm hiểu nhau một thời gian thì kết hôn vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 25/01/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung hạnh phúc tại ấp Trang Hùng, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khoảng tháng 5/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V nghi ngờ và nghe nhiều người nói bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Ông V có khuyên bảo nhưng bà T không nghe và mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không khắc phục được. Ông V và bà T đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Nay, bà T yêu cầu ly hôn ông V không đồng ý và mong muốn vợ chồng trở về sống chung đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Ông V và bà T có 02 con chung tên Trần Thị Kim H1, sinh ngày 06/12/2006 và Trần Trung H2, sinh ngày 26/01/2010. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và đồng ý giao cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông V; về con chung, đề nghị giao cháu H1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi

dưỡng và giao cháu H2 cho ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; bà T và ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Trần Công V có nơi cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 25/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể trở về chung sống đoàn tụ với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V, còn ông V không đồng ý ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà T và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T được ly hôn ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:* Xét yêu cầu nuôi con chung của bà T và ông V thấy rằng, hiện nay cháu Trần Thị Kim H1 đang ở với bà T và cháu Trần Trung H2 đang ở với ông V; cháu H1 có nguyện vọng được ở với bà T và cháu H2 có nguyện vọng được ở với ông V khi ông V và bà T ly hôn. Vì vậy, giao cháu H1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho ông V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên bà T và ông V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn là bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Trần Công V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim H1, sinh ngày 06/12/2006 cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Trung H2, sinh ngày 26/01/2010 cho ông Trần Công V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị T và ông Trần Công V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị T và ông Trần Công V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008707 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy